

Số: /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,  
thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 1256/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 ban hành Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16/ 12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/ 5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

*Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2015 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 và Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổ chức lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 159/TTr-SXD ngày 13/12/2024 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (kèm Báo cáo số 170/BC-SXD ngày 25/10/2024 và Báo cáo số 194/BC-SXD ngày 25/11/2024).*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

### **1. Quan điểm**

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch Vùng Đông Nam bộ; Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bền vững theo hướng đô thị hiện đại, xanh, văn minh, giàu bản sắc, phát triển bền vững gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Tận dụng tối đa lợi thế phát triển từ các dự án kết cấu hạ tầng động lực về giao thông, du lịch, dịch vụ đã có và đang nghiên cứu đầu tư. Hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp hài hoà giữa quá trình đô thị hoá, phát triển đô thị với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại nền kinh tế, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thúc đẩy sản xuất và xây dựng đô thị thông minh, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và kinh tế đô thị. Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hạ tầng về khoa học và công nghệ, tích hợp kết nối liên thông, trọng tâm là hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số nhằm chuyển đổi số toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

### **2. Mục tiêu phát triển**

Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển, nâng loại đô thị tỉnh giai đoạn đầu 05 năm và hàng năm đến năm 2025, giai đoạn 5 năm tiếp theo đến năm 2030 và sau năm 2030 theo Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt, có tính kế thừa các mặt tích cực của Chương trình phát

triển đô thị tỉnh đến 2025.

Xây dựng lộ trình, dự kiến nguồn vốn nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ cần thực hiện (thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án) theo giai đoạn 05 năm và ưu tiên giai đoạn đầu (05 năm và hàng năm) để đạt được mục tiêu của chương trình.

Xây dựng kế hoạch khắc phục và hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu, còn yếu. Ngoài đảm bảo các tiêu chí quy định, các đô thị cần đảm bảo chất lượng đô thị, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

### **3. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

#### **3.1. Giai đoạn đến 2025**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt 63,5%.
- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị: năm 2025 khoảng 27.000 - 29.000 ha; tỷ lệ đất xây dựng đô thị khoảng 14,6%.
- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2025 đạt tối thiểu 12-18%.
- Diện tích đất cây xanh bình quân trên người dân đô thị đạt khoảng 6-8 m<sup>2</sup>.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người phân đấu tại khu vực đô thị đạt khoảng 31,2 m<sup>2</sup> sàn/người.
- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh.

#### **3.2. Giai đoạn 2026 - 2030**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2030 đạt 72-75%.
- Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản đạt tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc trung ương, đóng vai trò là một cực phát triển quan trọng trong hệ thống đô thị của vùng Đông Nam Bộ; là trung tâm hướng ra biển, cửa ngõ ra biển cho vùng Đông Nam Bộ, cơ cấu đô thị đa trung tâm; khu vực dự kiến thành lập thành phố đạt tiêu chí của đô thị loại I trực thuộc trung ương được xác lập trên cơ sở các khu vực phát triển đô thị: Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ, Long Điền, Long Hải.
- Dự báo đất xây dựng đô thị: Năm 2030 khoảng 40.000 - 45.000 ha. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị khoảng 22,65%.
- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2030 đạt 18-26%.
- Diện tích đất cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8-10 m<sup>2</sup> vào năm 2030.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người phân đấu tại khu vực đô thị đạt khoảng 35,1 m<sup>2</sup> sàn/người.
- Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn đạt 99%.
- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại (bao gồm cả chất thải rắn y tế) được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và

chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%, trong đó chủ yếu xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn: tái chế, sản xuất phân bón và xử lý bằng công nghệ đốt - phát điện; đến năm 2030 tỉnh cơ bản không còn chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp, tỷ lệ tái chế rác thải hữu cơ đạt 100% ở cả khu vực đô thị và nông thôn.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định: trên 50% đối với các đô thị loại I và loại II; trên 30% đối với các đô thị loại III, loại IV và loại V.

### **3.3. Giai đoạn 2031 - 2050**

Bà Rịa - Vũng Tàu là trung tâm kinh tế biển quốc gia; trung tâm dịch vụ hàng hải của khu vực Đông Nam Á; trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế; một trong những trung tâm công nghiệp lớn của Vùng Đông Nam Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn thiện, hiện đại; môi trường sống an toàn, trong lành, chất lượng cao; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, kinh tế phát triển hiệu quả theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp và thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0”. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 khoảng trên 90%.

## **4. Lộ trình phân loại đô thị**

### **4.1. Giai đoạn đến 2025**

Toàn tỉnh có 10 đô thị, gồm 3 thành phố và 7 thị trấn, cụ thể:

(1) Thành phố Vũng Tàu: Là đô thị loại I. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn còn yếu và thiếu.

(2) Thành phố Bà Rịa: Là đô thị loại II. Phần đầu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I.

(3) Thành phố Phú Mỹ: Là đô thị loại II.

(4) Thị trấn Long Hải, huyện Long Đất: Là đô thị loại V. Phần đầu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(5) Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất: Là đô thị loại V. Phần đầu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(6) Thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức: Là đô thị loại V. Phần đầu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(7) Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc: Là đô thị loại V. Phần đầu cơ bản đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

(8) Thị trấn Đất Đỏ, huyện Long Đất: Là đô thị loại V.

(9) Thị trấn Phước Hải, huyện Long Đất: Là đô thị loại V.

(10) Đô thị Kim Long, huyện Châu Đức: Là đô thị loại V.

### **4.2. Giai đoạn 2026 - 2030**

Toàn tỉnh có 13 đô thị gồm 3 thành phố, 10 thị trấn và 1 đô thị sinh thái biển, cụ thể:

- **Có 03 thành phố gồm:**

(1) Thành phố Bà Rịa - Là đô thị loại II (đô thị tỉnh lỵ). Hoàn thiện và thực hiện đề án công nhận đô thị loại I;

(2) Thành phố Vũng Tàu - Là đô thị loại I;

(3) Thành phố Phú Mỹ - Là đô thị loại II.

- **Có 10 thị trấn gồm:** 6 thị trấn hiện hữu (Long Điền, Long Hải, Ngãi Giao, Phước Bửu, Phước Hải), 1 thị trấn hiện là đô thị loại V chưa có Quyết định thành lập thị trấn (Kim Long) và 3 thị trấn hình thành trên cơ sở đô thị mới (xã Bình Châu, xã Hòa Bình, xã Phước Thuận) sẽ lập đề án công nhận đô thị loại V và thành lập thị trấn gồm:

- (1) Thị trấn Long Hải, huyện Long Đất - Đô thị loại IV;
- (2) Thị trấn Long Điền, huyện Long Đất - Đô thị loại IV;
- (3) Thị trấn Đất Đỏ, huyện Long Đất - Đô thị loại V;
- (4) Thị trấn Phước Hải, huyện Long Đất - Đô thị loại V;
- (5) Thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức - Đô thị loại V. Hoàn thiện và thực hiện đề án công nhận đô thị loại IV;
- (6) Thị trấn Kim Long, huyện Châu Đức - Đô thị loại V;
- (7) Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V. Hoàn thiện và thực hiện đề án công nhận đô thị loại IV;
- (8) Đô thị Bình Châu, huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V (đô thị mới);
- (9) Đô thị Hòa Bình huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V (đô thị mới);
- (10) Đô thị Hồ Tràm, huyện Xuyên Mộc - Đô thị loại V (đô thị mới);

- **Có 01 đô thị sinh thái biển Côn Đảo.**

- **Phần đầu huyện Long Đất có một đơn vị hành chính đạt tiêu chuẩn đô thị (khu vực đô thị) của thành phố trực thuộc trung ương.**

#### **4.3. Định hướng giai đoạn sau 2030**

Bà Rịa - Vũng Tàu phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại 1, thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức lập các thủ tục hình thành thành phố, các quận, thị xã và huyện trực thuộc trong đó:

- *Khu vực nội thành dự kiến gồm:*

- (1) Thành phố Bà Rịa;
- (2) Thành phố Vũng Tàu;
- (3) Thành phố Phú Mỹ.
- (4) Thị trấn Long Hải;
- (5) Thị trấn Long Điền;
- (6) Thị trấn Đất Đỏ;
- (7) Thị trấn Phước Hải.

- *Đô thị thuộc đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc gồm:*

- (1) Thị trấn Ngãi Giao (huyện Châu Đức) - Đô thị loại IV;
- (2) Thị trấn Kim Long (huyện Châu Đức) - Đô thị loại V;
- (3) Thị trấn Phước Bửu (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại IV;
- (4) Thị trấn Bình Châu (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại V;
- (5) Thị trấn Hòa Bình (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại V;
- (6) Thị trấn Hồ Tràm (huyện Xuyên Mộc) - Đô thị loại V;

- (7) Thị trấn mới Cù Bì (huyện Châu Đức)- Đô thị loại V (đô thị mới);  
 (8) Thị trấn mới Suối Nghệ (huyện Châu Đức)- Đô thị loại V (đô thị mới);  
 - Có 01 đô thị sinh thái biển Côn Đảo.

Sau khi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt trình độ phát triển là đô thị loại I và được công nhận là thành phố trực thuộc Trung ương, việc đánh giá, rà soát phân loại đô thị đối với từng khu vực sẽ được thực hiện theo tình hình điều kiện thực tế và các quy định pháp luật liên quan.

## **5. Danh mục thứ tự ưu tiên đầu tư phát triển đô thị, kế hoạch và nhu cầu vốn**

### **5.1. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển đô thị**

- Nhóm 1: Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác đã được xác định trong quy hoạch tỉnh.

- Nhóm 2: Một số chương trình, đề án cấp quốc gia có liên quan (nếu có) và cấp tỉnh đang triển khai hoặc đề xuất mới về phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, phát triển đô thị thông minh hoặc các chương trình, đề án cấp quốc gia, cấp tỉnh khác để cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển bền vững hệ thống đô thị của tỉnh.

- Nhóm 3: Nhóm các dự án khắc phục tiêu chuẩn chưa đạt từng đô thị theo kế hoạch nâng loại đô thị đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030, trong đó có cả các tiêu chí chưa đạt cho cấp đô thị hiện hữu và các tiêu chí chưa đạt cho cấp đô thị định hướng đến năm 2030.

### **5.2. Kế hoạch vốn và nhu cầu vốn**

#### **5.2.1. Kinh phí thực hiện**

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các chương trình cho các giai đoạn đến năm 2030 khoảng: 414.931 tỷ đồng. Trong đó:

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật khung khoảng 247.817 tỷ đồng, chiếm 59,72%.

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các công trình hạ tầng xã hội đô thị khoảng 26.170 tỷ đồng, chiếm 6,31%.

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các chương trình, đề án, lập quy hoạch khoảng 200 tỷ đồng, chiếm 0,05%.

+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế khoảng 140.743 tỷ đồng, chiếm 33,92%.

#### **5.2.2. Khái toán theo giai đoạn:**

- Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025 khoảng: 87.308 tỷ đồng; chiếm 21,04%.

- Tổng kinh phí giai đoạn 2026-2030 khoảng: 327.622 tỷ đồng; chiếm 78,96%.

#### **5.2.3. Dự kiến từ các nguồn vốn:**

- Nguồn vốn Ngân sách khoảng 101.932 tỷ đồng, chiếm 24,57%. Trong đó:

+ Giai đoạn 2021-2025 khoảng 45.141,23 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026-2030 khoảng 56.791,3 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngoài ngân sách khoảng 312.999 tỷ đồng, chiếm 75,43%. Trong đó:

+ Giai đoạn 2021- 2025 khoảng 42.167,70 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026-2030 khoảng 270.831,31 tỷ đồng.

*(Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án sẽ được tính toán và xác định cụ thể trong từng giai đoạn tùy vào khả năng huy động nguồn vốn).*

## **6. Giải pháp thực hiện**

### **6.1. Giải pháp cơ chế chính sách**

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu, chỉ đạo tăng thu ngân sách đảm bảo vượt chỉ tiêu để tăng chi đầu tư phát triển, chống thất thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư, tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ kinh tế của tỉnh. Tiếp tục tạo nguồn vốn từ quỹ đất bằng cách thực hiện tốt công tác quy hoạch xây dựng các khu dân cư có giá trị thương mại cao để đấu giá quyền sử dụng đất, kêu gọi đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng để tạo động lực và nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm, nhà nước hỗ trợ, nhân dân làm, nhân dân giám sát... đối với các dự án vận động nhân dân tham gia thực hiện công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới. Huy động đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách. Kêu gọi đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực. Chuẩn hóa và đẩy nhanh trình tự thủ tục đầu tư phát triển đô thị, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục quy hoạch, kiến trúc xây dựng, thủ tục đầu tư cho các thành phần kinh tế tư nhân tham gia bỏ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất và kinh doanh.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch và các lĩnh vực giáo dục - y tế, môi trường để tranh thủ nguồn vốn tín dụng cho đầu tư phát triển. Tiếp tục xem xét đề xuất danh mục dự án phù hợp, trình UBND tỉnh bảo lãnh vay quỹ phát triển đất của tỉnh để giải phóng mặt bằng, đầu tư các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị còn thiếu.

### **6.2. Giải pháp phát triển và đào tạo nguồn nhân lực**

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án nhằm đào tạo lao động ở các trình độ, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo.

- Điều chỉnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đào tạo nâng cao trình độ lao động, đặc biệt là đối với người nông dân bị thu hồi đất sản xuất để giao cho dự án.

- Tạo các cơ chế chính sách xã hội để các doanh nghiệp tạo điều kiện về chỗ ở cho công nhân.

- Tăng cường chất lượng các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với nhanh chóng tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh là khâu đột phá, cấp bách; gắn chặt với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị là nhân tố quyết định sự thành công trước mắt và chiến lược.

- Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Đẩy mạnh công tác giáo dục đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề và tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo với thị trường lao động và doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động ngoại tỉnh. Rà soát, chuyển đổi nghề nghiệp lao động theo định hướng phát triển của tỉnh; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với mục tiêu giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

### **6.3. Giải pháp về quy hoạch, quản lý phát triển đô thị**

- Lập, điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị cho các đô thị mở rộng, đô thị hình thành mới; Lập chương trình phát triển đô thị; Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; Lập đề án đề nghị công nhận đô thị đạt tiêu chí đô thị theo phân loại; Triển khai lập quy hoạch phân khu, các quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn, làm cơ sở kêu gọi đầu tư các khu đô thị, khu dân cư, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Quản lý đô thị trên cơ sở Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được duyệt. Đảm bảo đủ nhu cầu dân số, mật độ dân số theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Đẩy nhanh phủ kín quy hoạch xây dựng vùng huyện trong tỉnh, làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù, tạo động lực phát triển đô thị.

- Xây dựng Quy chế quản lý đô thị cho các đô thị, đối với các khu trung tâm đô thị có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan cần phải lập các đề án Thiết kế đô thị riêng làm cơ sở thiết kế, xây dựng các công trình kiến trúc;

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung quy hoạch. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch và đầu tư phát triển theo quy hoạch. Hàng năm và cuối kỳ quy hoạch tổ chức đánh giá tình hình thực hiện, trên cơ sở đó có đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện tốt việc công khai quy hoạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch. Ngoài ra, rà soát, đối chiếu và cập nhật bổ sung, điều chỉnh các hồ sơ đã thực hiện.

- Để quản lý và kiểm soát hiệu quả sự phát triển đô thị và nông thôn có thể thực hiện các hoạt động sau:

+ Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị toàn cầu để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường.

+ Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm vùng trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị.

+ Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá.

### **6.4. Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội**



- Tiếp tục rà soát các quy định, chính sách về đầu tư, kinh doanh để đề nghị sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, sửa đổi các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ, tập trung tháo gỡ vướng mắc và tạo điều kiện để dự án sớm triển khai;

- Tiếp tục thực hiện việc đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước để tiếp tục thu hút vốn đầu tư.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, các chương trình, dự án thu hút nguồn vốn ODA và các khoản vốn vay ưu đãi khác. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực đầu tư và thực hiện đầu tư.

- Có cơ chế, chính sách ưu đãi của nhà nước, của tỉnh và chính sách hỗ trợ, ưu đãi của thành phố để dành cho việc thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh, tăng nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp.

- Tuyên truyền, vận động và phổ biến các định hướng, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh để người dân được biết và cùng chung tay, chung sức xây dựng, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của tỉnh như mục tiêu đã đề ra.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng**

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ trong Tờ trình số 159/TTr-SXD ngày 13/12/2024 của Sở Xây dựng và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh.

- Tổ chức công bố và thực hiện Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố và thị xã thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Lập Đề án công nhận và nâng loại đô thị giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030.

+ Lập đồ án quy hoạch chung các đô thị mới và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị theo phương án Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2030.

+ Lập Chương trình phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh và hồ sơ khu vực phát triển đô thị đến năm 2030.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác lập và quản lý quy hoạch đô thị theo định hướng phát triển đô thị theo mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng nhiệm vụ cho từng đơn vị để thực hiện các tiêu chí theo phân loại đô thị; kiểm soát quá trình phát triển đô thị, đảm bảo tuân thủ định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.

- Tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, cập nhật, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh theo quy định hiện hành.

### **2. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố lập đề án sắp xếp đơn vị hành chính, tham mưu UBND tỉnh xem xét, trình Bộ Nội vụ thẩm định và trình Chính Phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết thành lập đơn vị hành chính theo đúng quy định.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối bố trí các nguồn vốn đầu tư phát triển hàng năm đảm bảo thực hiện Chương trình phát triển đô thị có hiệu quả.

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan hướng dẫn cơ chế ưu đãi, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

### **4. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng bố trí nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ Chương trình phát triển đô thị của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị của Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Ưu tiên cho công tác chuẩn bị thủ tục lập quy hoạch, đề án, Chương trình phát triển các đô thị theo từng giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030.

- Tổng hợp nhu cầu và phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp chi cho nhiệm vụ chi cho phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm và hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát, đối chiếu các số liệu kiểm kê đất đai tại các đô thị, kế hoạch sử dụng đất phát triển đô thị cho từng giai đoạn;

- Phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan chức năng và địa phương tổ chức phương án tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được công bố; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với nội dung Chương trình phát triển đô thị tỉnh và Chương trình phát triển đô thị của từng địa phương;

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện cân đối, điều chuyển kế hoạch sử dụng đất, ban hành hướng dẫn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ dự án tại các đô thị trên địa bàn tỉnh đáp ứng phù hợp các bước phát triển đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh.

### **6. Sở Giao thông và Vận tải**

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị Trung ương sớm triển khai các dự án đầu tư phát triển các tuyến đường có liên quan đến xây dựng và phát triển các đô thị trên địa bàn.

- Chủ trì đề xuất UBND tỉnh kế hoạch đầu tư, xây dựng các tuyến đường giao thông liên tỉnh, liên huyện, xây dựng theo hướng đồng bộ và hoàn chỉnh, góp phần nâng tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư các dự án thuộc ngành giao thông, đảm bảo đầu tư đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án phát triển mạng lưới giao thông đảm bảo kết nối giữa các đô thị trên địa bàn được thuận lợi và thông suốt, đầu tư phát triển và khai thác các dịch vụ vận tải, kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo tính hệ thống nhằm phát triển, nâng cao hiệu quả vận tải trên địa bàn.

### **7. Sở Công thương**

- Chủ trì đề xuất UBND tỉnh về kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; định hướng các ngành nghề, lĩnh vực thu hút đầu tư vào từng khu, cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững, lâu dài tại mỗi đô thị đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái đô thị và môi trường sống các khu dân cư.

- Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách mời gọi nhà đầu tư các dự án công nghiệp, cảng biển và dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp cảng biển thúc đẩy phát triển các dự án gắn với lộ trình phát triển các đô thị.

- Xây dựng kế hoạch triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến thu hút đầu tư phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại, khu phố thương mại, hệ thống chợ và phát triển các ngành dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở lộ trình phát triển đô thị của các đô thị địa bàn tỉnh, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng phát triển hệ thống mạng lưới cấp điện đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, sản xuất kinh doanh.

### **8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì phối hợp với các địa phương trong việc quy hoạch và xác định giới hạn quy mô các ngành nghề sản xuất thuộc ngành nông nghiệp tại khu vực quy hoạch phát triển đô thị, đặc biệt là ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm, ... bảo đảm yêu cầu phát triển hài hòa và bền vững. Định hướng phát triển các ngành nông nghiệp chất lượng cao phục vụ các khu, cụm công nghiệp.

### **9. Các Sở, ban, ngành liên quan**

- Lập và quản lý các quy hoạch ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo phù hợp với nội dung Chương trình Phát triển đô thị toàn tỉnh.

- Có nhiệm vụ huy động mọi nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị về các công trình thuộc ngành quản lý.

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình tổ chức thẩm định Chương trình phát triển của từng đô thị theo thẩm quyền. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao để hoàn thành các tiêu chí theo phân loại đô thị.

### **10. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Tập trung nguồn lực, tổ chức rà soát, bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp các tiêu chuẩn của các tiêu chí theo quy định về phân loại đô thị. Thực hiện việc lập đề án công nhận loại đô thị đối với các đô thị thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp

huyện giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030.

- Tổ chức lập quy hoạch chung đô thị, lập Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn, phù hợp với chỉ tiêu, kế hoạch của Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

- Lập Đề án thành lập thành phố, thị xã, thị trấn và các phường thuộc thành phố, thị xã. Đề án điều chỉnh địa giới hành chính, mở rộng thị trấn hiện hữu và thành lập các đô thị mới trong phạm vi quản lý hành chính;

- Tăng cường thu hút đầu tư cho các dự án phát triển đô thị tại địa phương. Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh theo đúng tiến độ.

- Phối hợp với Sở xây dựng thực hiện quản lý sự phát triển đô thị theo quy hoạch xây dựng được duyệt, đồng thời tập trung đầu tư khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn còn yếu trên cơ sở rà soát, đánh giá, hiện trạng các đô thị theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về phân loại đô thị và Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13; Nghị quyết 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Thông tin truyền thông, Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

*(Kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VP, TH2, TH5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Vinh**